

Số: /BVĐHYD-KHĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo - Bộ Y tế

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Số giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh do Bộ Y tế cấp: 242/BYT-GPHĐ
ngày 19/03/2019.

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bác sĩ Nguyễn Hoàng Bắc

Điện thoại liên hệ: (028) 38554269; Email: bvdhyd@umc.edu.vn

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: Nội – Xương khớp (danh mục chi tiết kèm theo trong Phụ lục 1)

2. Trình độ đào tạo thực hành: Chuyên khoa cấp II (danh mục chi tiết kèm theo trong Phụ lục 1)

3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): 45 (danh mục chi tiết kèm theo trong Phụ lục 1)

4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: 09 (danh mục chi tiết kèm theo trong Phụ lục 2)

5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng: Khoa Hô hấp, Khoa Nội cơ xương khớp, Khoa Nội thận – Thận nhân tạo, Khoa Tiêu hóa, Khoa Tim mạch can thiệp (danh mục chi tiết kèm theo trong Phụ lục 2)

6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: (danh mục chi tiết kèm theo trong Phụ lục 3)

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo – Bộ Y tế xem xét, đăng tải thông tin theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHĐT (J06-124-tpan) (4).



BM: CV.01(1)

GIÁM ĐỐC

**CÁC NGÀNH / CHUYÊN NGÀNH
VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH
TẠI BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH**

*(kèm theo Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe, số: /BVĐHYD-KHĐT, ngày / /2025)*

TT	Mã đào tạo	Chuyên ngành	Trình độ đào tạo	Cơ sở giáo dục
1	CK 60 72 20 10	Nội – Xương khớp	Chuyên khoa cấp II	Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Phụ lục 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
(Tại 1 thời điểm)

(Kèm theo Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe
số: /BVĐHYD-KHĐT, ngày / /2025)

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1.	CK 60 72 20 10	Chuyên khoa cấp II	Nội – Xương khớp	1. Bệnh khớp, cột sống và bệnh cơ có nguyên nhân tự miễn	Tiếp cận, chẩn đoán và điều trị các bệnh khớp, cột sống và bệnh cơ có nguyên nhân tự miễn	Khoa Nội cơ xương khớp	02	10	10	30	0	10
				2. Bệnh khớp, cột sống do thoái hóa	Tiếp cận, chẩn đoán và điều trị các bệnh khớp, cột sống do thoái hóa							
				3. Bệnh xương khớp do chuyển hóa	Tiếp cận, chẩn đoán và điều trị các bệnh xương khớp do chuyển hóa							

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
				4. Bệnh loãng xương	Tiếp cận, chẩn đoán và điều trị bệnh loãng xương							
				5. Bệnh khớp, cột sống do viêm, nhiễm khuẩn	Tiếp cận, chẩn đoán và điều trị các bệnh khớp, cột sống do viêm, nhiễm khuẩn							
				6. Thuốc kháng viêm không steroid (NSAID) và corticoid trong bệnh cơ xương khớp	Thuốc kháng viêm không steroid (NSAID) và corticoid trong bệnh cơ xương khớp							
				7. Thuốc chống thấp DMARD và SAARD trong bệnh cơ xương khớp	Thuốc chống thấp DMARD và SAARD trong bệnh cơ xương khớp							
				8. Điều trị sinh học trong bệnh cơ xương khớp	Điều trị sinh học trong bệnh cơ xương khớp							
				9. Loạn dưỡng cơ tiến triển và nhược cơ	Tiếp cận, chẩn đoán và điều trị loạn dưỡng cơ tiến triển và nhược cơ							

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Chuyên ngành	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung	Tên khoa / đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa / đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo NGD	Số giường / ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường / ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
				10. Biểu hiện và biến chứng tim mạch của bệnh cơ xương khớp	Tiếp cận, quản lý các biểu hiện và biến chứng tim mạch của bệnh cơ xương khớp	Khoa Tim mạch can thiệp	03	15	35	105	0	15
				11. Biểu hiện và biến chứng hô hấp của bệnh cơ xương khớp	Tiếp cận, quản lý các biểu hiện và biến chứng hô hấp của bệnh cơ xương khớp	Khoa Hô hấp	04	20	36	108	0	20
				12. Biểu hiện và biến chứng tiêu hóa của bệnh cơ xương khớp	Tiếp cận, quản lý các biểu hiện và biến chứng tiêu hóa của bệnh cơ xương khớp	Khoa Tiêu hóa	01	05	37	111	0	05
				13. Biểu hiện và biến chứng thận của bệnh cơ xương khớp	Tiếp cận, quản lý các biểu hiện và biến chứng thận của bệnh cơ xương khớp	Khoa Nội thận – Thận nhân tạo	01	05	10	30	0	05

ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Phụ lục 2

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/GHẾ RĂNG
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(Kèm theo Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe
số: /BVĐHYD-KHĐT, ngày / /2025)

1. Sau Đại học / Chuyên khoa cấp II / Nội – Xương khớp / Bệnh khớp, cột sống và bệnh cơ có nguyên nhân tự miễn; Bệnh khớp, cột sống do thoái hóa; Bệnh xương khớp do chuyển hóa; Bệnh loãng xương; Bệnh khớp, cột sống do viêm, nhiễm khuẩn; Thuốc kháng viêm không steroid (NSAID) và corticoid trong bệnh cơ xương khớp; Thuốc chống thấp DMARD và SAARD trong bệnh cơ xương khớp; Điều trị sinh học trong bệnh cơ xương khớp; Loạn dưỡng cơ tiến triển và nhược cơ; Biểu hiện và biến chứng tim mạch của bệnh cơ xương khớp; Biểu hiện và biến chứng hô hấp của bệnh cơ xương khớp; Biểu hiện và biến chứng tiêu hóa của bệnh cơ xương khớp; Biểu hiện và biến chứng thận của bệnh cơ xương khớp.

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1.	Trương Quang Bình	Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Nội khoa	001239/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	35	1. Bệnh khớp, cột sống và bệnh cơ có nguyên nhân tự miễn; 2. Bệnh khớp, cột sống do thoái hóa; 3. Bệnh xương khớp do chuyển hóa; 4. Bệnh loãng xương;	1. Tiếp cận, chẩn đoán và điều trị các bệnh khớp, cột sống và bệnh cơ có nguyên nhân tự miễn; 2. Tiếp cận, chẩn đoán và điều trị các bệnh khớp, cột sống do thoái hóa; 3. Tiếp cận, chẩn đoán và điều trị các	Khoa Nội cơ xương khớp	10

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
							5. Bệnh khớp, cột sống do viêm, nhiễm khuẩn; 6. Thuốc kháng viêm không steroid (NSAID) và corticoid trong bệnh cơ xương khớp; 7. Thuốc chống thấp DMARD và SAARD trong bệnh cơ xương khớp; 8. Điều trị sinh học trong bệnh cơ xương khớp; 9. Loạn dưỡng cơ tiến triển và nhược cơ;	bệnh xương khớp do chuyển hóa; 4. Tiếp cận, chẩn đoán và điều trị bệnh loãng xương; 5. Tiếp cận, chẩn đoán và điều trị các bệnh khớp, cột sống do viêm, nhiễm khuẩn; 6. Thuốc kháng viêm không steroid (NSAID) và corticoid trong bệnh cơ xương khớp; 7. Thuốc chống thấp DMARD và SAARD trong bệnh cơ xương khớp; 8. Điều trị sinh học trong bệnh cơ xương khớp; 9. Tiếp cận, chẩn đoán và điều trị loạn dưỡng cơ tiến triển và nhược cơ;		
							10. Biểu hiện và biến chứng tim mạch của bệnh cơ xương khớp.	10. Tiếp cận, quản lý các biểu hiện và biến chứng tim mạch của bệnh cơ xương khớp.	Khoa Tim mạch can thiệp	35

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đặt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đặt yêu cầu TH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2.	Âu Thanh Tùng	Bác sĩ Chuyên khoa cấp II	Nội khoa	001495/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng quát	27	1. Bệnh khớp, cột sống và bệnh cơ có nguyên nhân tự miễn; 2. Bệnh khớp, cột sống do thoái hóa; 3. Bệnh xương khớp do chuyển hóa; 4. Bệnh loãng xương; 5. Bệnh khớp, cột sống do viêm, nhiễm khuẩn; 6. Thuốc kháng viêm không steroid (NSAID) và corticoid trong bệnh cơ xương khớp; 7. Thuốc chống thấp DMARD và SAARD trong bệnh cơ xương khớp; 8. Điều trị sinh học trong bệnh cơ xương khớp; 9. Loạn dưỡng cơ tiến triển và nhược cơ;	1. Tiếp cận, chẩn đoán và điều trị các bệnh khớp, cột sống và bệnh cơ có nguyên nhân tự miễn; 2. Tiếp cận, chẩn đoán và điều trị các bệnh khớp, cột sống do thoái hóa; 3. Tiếp cận, chẩn đoán và điều trị các bệnh xương khớp do chuyển hóa; 4. Tiếp cận, chẩn đoán và điều trị bệnh loãng xương; 5. Tiếp cận, chẩn đoán và điều trị các bệnh khớp, cột sống do viêm, nhiễm khuẩn; 6. Thuốc kháng viêm không steroid (NSAID) và corticoid trong bệnh cơ xương khớp; 7. Thuốc chống thấp DMARD và SAARD trong bệnh cơ xương khớp;	Khoa Nội cơ xương khớp	10

ll

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
								8. Điều trị sinh học trong bệnh cơ xương khớp; 9. Tiếp cận, chẩn đoán và điều trị loạn dưỡng cơ tiến triển và nhược cơ;		
							10. Biểu hiện và biến chứng hô hấp của bệnh cơ xương khớp.	10. Tiếp cận, quản lý các biểu hiện và biến chứng hô hấp của bệnh cơ xương khớp.	Khoa Hô hấp	36
3.	Lê Khắc Bảo	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Nội khoa	001237/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng quát	23	1. Biểu hiện và biến chứng hô hấp của bệnh cơ xương khớp.	1. Tiếp cận, quản lý các biểu hiện và biến chứng hô hấp của bệnh cơ xương khớp.	Khoa Hô hấp	36
4.	Lê Thượng Vũ	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Nội khoa	003021/BYT-CCHN 3912/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng quát, Ung bướu	25				
5.	Lê Thị Kim Chi	Bác sĩ Chuyên khoa cấp II	Nội khoa	0022871/BYT-CCHN/ 2776/QĐ-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp, Nội Hô hấp	13				

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm khám chữa bệnh	Môn học / học phần / tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa / đơn vị đặt yêu cầu thực hành	Số giường / ghế răng đạt yêu cầu TH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
6.	Trần Hòa	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Nội khoa	001317/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng quát	20	Biểu hiện và biến chứng tim mạch của bệnh cơ xương khớp	Tiếp cận, quản lý các biểu hiện và biến chứng tim mạch của bệnh cơ xương khớp	Khoa Tim mạch can thiệp	35
7.	Vũ Hoàng Vũ	Tiến sĩ, Bác sĩ	Nội khoa	001505/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng quát	18				
8.	Võ Duy Thông	Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ	Nội khoa	028444/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng quát	17	Biểu hiện và biến chứng tiêu hóa của bệnh cơ xương khớp	Tiếp cận, quản lý các biểu hiện và biến chứng tiêu hóa của bệnh cơ xương khớp	Khoa Tiêu hóa	37
9.	Huỳnh Ngọc Phương Thảo	Tiến sĩ, Bác sĩ	Nội khoa	001710/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng quát	23	Biểu hiện và biến chứng thận của bệnh cơ xương khớp	Tiếp cận, quản lý các biểu hiện và biến chứng thận của bệnh cơ xương khớp	Khoa Nội thận – Thận nhân tạo	10

ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Phụ lục 3

**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG
YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH**

(Kèm theo Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở
thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe số: /BVĐHYD-KHĐT,
ngày / /2025)

1. Sau Đại học / Chuyên khoa cấp II / Nội – Xương khớp / Bệnh khớp, cột sống và bệnh cơ có nguyên nhân tự miễn; Bệnh khớp, cột sống do thoái hóa; Bệnh xương khớp do chuyển hóa; Bệnh loãng xương; Bệnh khớp, cột sống do viêm, nhiễm khuẩn; Thuốc kháng viêm không steroid (NSAID) và corticoid trong bệnh cơ xương khớp; Thuốc chống thấp DMARD và SAARD trong bệnh cơ xương khớp; Điều trị sinh học trong bệnh cơ xương khớp; Loạn dưỡng cơ tiến triển và nhược cơ; Biểu hiện và biến chứng tim mạch của bệnh cơ xương khớp; Biểu hiện và biến chứng hô hấp của bệnh cơ xương khớp; Biểu hiện và biến chứng tiêu hóa của bệnh cơ xương khớp; Biểu hiện và biến chứng thận của bệnh cơ xương khớp.

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
1.	Giảng đường	01	
2.	Máy vi tính cố định	01	
3.	Máy chiếu	01	
4.	Màn chiếu	01	
5.	Phòng giao ban	01	K. TMCT
6.	Màn chiếu	01	K. TMCT
7.	Máy chiếu	01	K. TMCT
8.	Máy vi tính cố định	01	K. TMCT
9.	Ấm kế	04	K. TMCT
10.	Băng ca	01	K. TMCT
11.	Bộ phụ kiện đo nồng độ CO ₂ (EtCO ₂)	01	K. TMCT
12.	Cân sức khỏe	03	K. TMCT
13.	Cây dịch truyền (loại có bộ đỡ)	03	K. TMCT
14.	Đèn đọc phim X quang công nghệ LED loại 1 phim	01	K. TMCT
15.	Đèn sưởi hồng ngoại	01	K. TMCT

Ue,

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
16.	Giường bệnh 1 tay quay	26	K. TMCT
17.	Giường hồi sức điều khiển điện	09	K. TMCT
18.	Huyết áp cơ	05	K. TMCT
19.	Huyết áp cơ trẻ em	01	K. TMCT
20.	Khung tập đi	01	K. TMCT
21.	Máy bơm tiêm điện	05	K. TMCT
22.	Máy bơm tiêm điện Bbraun	05	K. TMCT
23.	Máy đếm giọt	01	K. TMCT
24.	Máy đo điện tim 03 cần	01	K. TMCT
25.	Máy đo SpO2	05	K. TMCT
26.	Máy giúp thở chức năng cao Puritan Bennet 840	01	K. TMCT
27.	Máy giúp thở không xâm nhập chạy điện	02	K. TMCT
28.	Máy hút đàm	01	K. TMCT
29.	Máy phun khí dung	05	K. TMCT
30.	Máy sốc tim lưỡng pha	01	K. TMCT
31.	Máy thử đông máu Roche (INR)	01	K. TMCT
32.	Máy thử đường huyết Accuchek	02	K. TMCT
33.	Máy ủ ấm dây truyền (máy làm ấm máu)	01	K. TMCT
34.	Monitor theo dõi bệnh nhân	03	K. TMCT
35.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	01	K. TMCT
36.	Nhiệt kế điện tử	05	K. TMCT
37.	Nhiệt kế tủ lạnh	01	K. TMCT
38.	Thiết bị đo áp lực bóng chèn khí quản	01	K. TMCT
39.	Thiết bị nệm chống loét	11	K. TMCT
40.	Xe đẩy cấp cứu	02	K. TMCT
41.	Xe lăn inox size 18", cây truyền dịch	02	K. TMCT
42.	Xe thuốc gây mê loại đẩy 1 mặt	01	K. TMCT
43.	Xe tiêm thuốc	04	K. TMCT
44.	Phòng giao ban	01	K. Hô hấp
45.	Màn chiếu	01	K. Hô hấp
46.	Máy chiếu	01	K. Hô hấp
47.	Máy vi tính cố định	01	K. Hô hấp
48.	Giường bệnh	36	K. Hô hấp

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
49.	Hệ thống nội soi videoscope dùng trong nội soi khí phế quản	01	K. Hô hấp
50.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	08	K. Hô hấp
51.	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số	01	K. Hô hấp
52.	Máy điện tim 3 cần	01	K. Hô hấp
53.	Máy thở BiPAP không xâm nhập chạy điện	05	K. Hô hấp
54.	Máy giúp thở không xâm lấn áp lực dương	02	K. Hô hấp
55.	Máy thở xâm lấn và không xâm lấn dùng cho người lớn và trẻ em	01	K. Hô hấp
56.	Máy sốc tim lưỡng cực không tạo nhịp	01	K. Hô hấp
57.	Cân giường	01	K. Hô hấp
58.	Màn hình và xe đẩy cho cân giường điện tử 984 Seca	01	K. Hô hấp
59.	Giường bệnh	10	K. Nội thận - TNT
60.	Màn chiếu	01	K. Nội thận - TNT
61.	Máy chiếu	01	K. Nội thận - TNT
62.	Máy vi tính cố định	01	K. Nội thận - TNT
63.	Máy thẩm phân phúc mạc tự động	01	K. Nội thận - TNT
64.	Máy thẩm phân phúc mạc tự động Homechoice Claria Automated PD System	01	K. Nội thận - TNT
65.	Máy chạy thận nhân tạo	06	K. Nội thận - TNT
66.	Xe đạp Matrix	01	K. Nội thận - TNT
67.	Máy giúp thở không xâm lấn áp lực dương	02	K. Nội thận - TNT
68.	Chậu rửa tay phẫu thuật INOX Sài Gòn Việt Nam.	01	K. Nội thận - TNT
69.	Máy đo điện tim 3 kênh	01	K. Nội thận - TNT
70.	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số	03	K. Nội thận - TNT
71.	Máy rửa quả lọc thận (2 màng)	03	K. Nội thận - TNT
72.	Hệ thống sản xuất nước RO di động	01	K. Nội thận - TNT
73.	Máy chạy thận nhân tạo	04	K. Nội thận - TNT
74.	Phòng giao ban	01	K. Tiêu hóa
75.	Màn chiếu	01	K. Tiêu hóa

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
76.	Máy chiếu	01	K. Tiêu hóa
77.	Máy vi tính cố định	01	K. Tiêu hóa
78.	Giường bệnh 1 tay quay	33	K. Tiêu hóa
79.	Giường bệnh 3 tay quay	04	K. Tiêu hóa
80.	Máy monitor theo dõi BN 5 thông số + thông số thứ 6 IBP	01	K. Tiêu hóa
81.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	01	K. Tiêu hóa
82.	Máy điện tim 3 cần	01	K. Tiêu hóa
83.	Âm thoa	01	K. Tiêu hóa
84.	Bàn ăn trên giường	21	K. Tiêu hóa
85.	Băng ca cấp cứu	01	K. Tiêu hóa
86.	Băng ca inox	01	K. Tiêu hóa
87.	Búa thử phản xạ	01	K. Tiêu hóa
88.	Bục đứng 1 tầng	01	K. Tiêu hóa
89.	Cân sức khỏe	02	K. Tiêu hóa
90.	Cây truyền dịch có bộ đỡ	04	K. Tiêu hóa
91.	Đèn đặt nội khí quản	01	K. Tiêu hóa
92.	Đèn đọc phim loại 2 phim	02	K. Tiêu hóa
93.	Đèn hồng ngoại	01	K. Tiêu hóa
94.	Ghế thân nhân	42	K. Tiêu hóa
95.	Giường inox thụt tháo	01	K. Tiêu hóa
96.	Huyết áp cơ	07	K. Tiêu hóa
97.	Máy bơm tiêm điện	06	K. Tiêu hóa
98.	Máy đo áp lực bóng chèn	01	K. Tiêu hóa
99.	Máy đo huyết áp điện tử	02	K. Tiêu hóa
100.	Máy đo SPO ₂ loại cầm tay	02	K. Tiêu hóa
101.	Máy phun khí dung	03	K. Tiêu hóa
102.	Máy phun khí dung cho đường thở dưới và phụ kiện kèm theo	01	K. Tiêu hóa
103.	Máy ủ ấm máu	01	K. Tiêu hóa
104.	Xe cấp cứu	01	K. Tiêu hóa
105.	Xe đẩy máy điện tim 40*30*80	01	K. Tiêu hóa
106.	Xe lăn inox size 18", cây truyền dịch	02	K. Tiêu hóa
107.	Xe tiêm inox 40*60*80	02	K. Tiêu hóa

TT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
108.	Xe tiêm inox 50*70*80	02	K. Tiêu hóa
109.	Xe tiêm thuốc	06	K. Tiêu hóa
110.	Máy hút dịch	01	K. Tiêu hóa
111.	Phòng giao ban	01	K. Nội CXK
112.	Màn chiếu	01	K. Nội CXK
113.	Máy chiếu	01	K. Nội CXK
114.	Máy vi tính cố định	01	K. Nội CXK
115.	Hệ thống đo loãng xương	01	K. Nội CXK
116.	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số	01	K. Nội CXK
117.	Máy đo điện tim 3 cần	01	K. Nội CXK
118.	Máy đo SPO ₂	02	K. Nội CXK
119.	Máy bơm tiêm điện	05	K. Nội CXK
120.	Máy phun khí dung	02	K. Nội CXK
121.	Xe tiêm thuốc	04	K. Nội CXK
122.	Giường bệnh 1 tay quay	10	K. Nội CXK
123.	Máy đo huyết áp điện tử	03	K. Nội CXK
124.	Máy đo huyết áp người lớn	03	K. Nội CXK
125.	Đèn sưởi	01	K. Nội CXK